TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐƠN DƯƠNG** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2017/DS-ST
Ngày: 28 - 7- 2017
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Minh Nhựt;**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Hoàng;**

2/ Ông **Lê Đức Lam**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Kim Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa:

Ông **Nguyễn Văn Việt** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 87/2017/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2017 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2017/QĐXX-ST ngày 30 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Bùi Thị M**, sinh năm: 1964;

Địa chỉ: 70 Tân Đức - Tân Hà - Lâm Hà - Lâm Đồng.

Bị đơn: vợ chồng bà **Khuất Thị X**, sinh năm: 1969, ông **Nguyễn Bá T**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Thôn Đa Hoa - Tu Tra - Đơn Dương - Lâm Đồng.

(Bà M có mặt, vợ chồng bà X ông T vắng mặt lần thứ hai không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Bùi Thị M trình bày:

Vào ngày 29/01/2014, bà có cho vợ chồng bà Khuất Thị X, ông Nguyễn Bá T vay số tiền 230.000.000đ, khi vay không thỏa thuận thời gian trả nợ, chỉ nói miệng với nhau khi nào bà cần thì vợ chồng bà X, ông T có trách nhiệm trả cho bà. Bà đã yêu cầu vợ chồng bà X, ông T trả nhiều lần nhưng vợ chồng bà X, ông T chỉ mới trả cho bà được 100.000.000đ, số tiền còn lại 130.000.000đ vợ chồng bà X, ông T cứ khất nợ. Vì vậy bà có làm đơn khởi kiện vợ chồng bà X, ông T phải trả cho bà số tiền 230.000.000, tuy nhiên vợ chồng bà X ông T đã trả cho bà 100.000.000đ, trả vào thời gian nào thì bà không nhớ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bà Bùi Thị M đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Khuất Thị X, ông Nguyễn Bá T trả cho bà số tiền 130.000.000đ còn nợ. Ngoài ra bà không còn yêu cầu nào khác.

Quá trình điều tra bị đơn bà Khuất Thị X trình bày:

Bà thừa nhận vào ngày 29/01/2014 vợ chồng bà có vay của bà Bùi Thị M số tiền gốc là 140.000.000đ, vợ chồng bà đã trả được 100.000.000đ, trả vào ngày tháng nào bà

cũng không nhớ. Bà xác định hiện nay vợ chồng bà chỉ còn nợ bà Bùi Thị M số tiền 40.000.000đ. Giấy vay tiền ngày 29/01/2014 bà thừa nhận do vợ chồng bà viết vay số tiền 230.000.000đ nhưng do bà M ép viết. Nay bà chỉ đồng ý trả cho bà M số tiền 40.000.000đ.

Toà án đã tiến hành các thủ tục xác minh, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vợ chồng bà Khuất Thị X, ông Nguyễn Bá T cố tình vắng mặt, vì vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà hôm nay, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Nguyên đơn bà Bùi Thị M trình bày ý kiến bổ sung như sau: Vào ngày 04/12/2010, bà có cho bà Khuất Thị X vay số tiền 140.000.000đ nhưng số tiền này bà Khuất Thị X đã trả cho bà và bà đã đánh dấu chữ "R" trong giấy vay tiền ngày 04/12/2010, sau đó vào ngày 29/01/2014 vợ chồng bà X ông T vay 230.000.000đ, số tiền vay này vợ chồng bà X ông T đã trả được 100.000.000đ, số còn lại 130.000.000đ đến nay chưa trả. Bà yêu cầu vợ chồng bà Khuất Thị X, ông Nguyễn Bá T trả cho bà số tiền vay còn nợ là 130.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn thì nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như cố tình vắng mặt không có lý do đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 29/01/2014 do nguyên đơn cung cấp, phía bị đơn cũng thừa nhận có viết giấy vay tiền này. Đây là những tình tiết sự kiện rõ ràng mà mọi người đều biết do đó đây là những tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 130.000.000đ và buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn, tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ theo thủ tục chung là đúng quy định pháp luật.

Việc bị đơn vợ chồng bà Khuất Thị X, ông Nguyễn Bá T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ về việc tham gia các buổi làm việc công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa theo đúng quy định tại các Điều 175, 177 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015. Vì vậy, theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án và giành quyền kháng cáo vắng mặt cho vợ chồng bà X, ông T là đủ.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xuất phát từ việc vay mượn tiền giữa bà Bùi Thị M và vợ chồng bà Khuất Thị X, ông Nguyễn Bá T theo giấy vay tiền ngày 29/01/2014 không thỏa thuận thời hạn trả nợ, vợ chồng bà X, ông T đã trả được 100.000.000đ, số tiền 130.000.000đ còn lại đến nay chưa trả cho bà Bùi Thị M. Quá trình điều tra phía bị đơn bà Khuất Thị X thừa nhận vợ chồn bà có vay của bà M số tiền 140.000.000đ nhưng đã trả được 100.000.000đ, đến nay chỉ còn nợ lại 40.000.000đ, giấy vay tiền ngày 29/01/2014 vợ chồng bà có viết giấy vay số tiền 230.000.000đ nhưng do bà M ép viết, bị đơn chỉ đồng ý

trả 40.000.000đ; vì vậy giữa các bên phát sinh tranh chấp. Hội đồng xét xử xác định quan hệ "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2005; Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015. Đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương là phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Qua đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị M yêu cầu vợ chồng bà Khuất Thị X, ông Nguyễn Bá T trả số tiền 130.000.000đ còn nợ theo giấy vay tiền ngày 29/01/2014 thấy rằng: giấy mượn tiền ngày 29/01/2014 (bút lục số 11) do bị đơn bà Khuất Thị X viết có chữ ký của bà Khuất Thị X và ông Nguyễn Bá T. Tài liệu này do nguyên đơn nộp tại Tòa án để làm căn cứ khởi kiện, quá trình điều tra phía bị đơn thừa nhận do bị đơn viết và ký nhưng chỉ thừa nhận vay số tiền 140.000.000đ, đã trả 100.000.000đ, còn nợ lại 40.000.000đ đến nay chưa trả và đồng ý trả 40.000.000đ cho bà Bùi Thị M, việc bị đơn viết giấy vay số tiền 230.000.000đ vào ngày 29/01/2014 là do nguyên đơn ép buộc viết. Tuy nhiên quá trình điều tra, mặc dù Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho vợ chồng bà X ông T đến Tòa án làm việc để đưa ra ý kiến bảo vệ cho quyền lợi của mình nhưng vợ chồng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày trước đây vào ngày 04/12/2010 có cho bị đơn vay số tiền 140.000.000đ và bị đơn đã trả đủ số tiền vay nên bà đã đánh dấu chữ "R" vào giấy vay tiền, sau đó vào ngày 29/01/2014 bị đơn vay tiếp số tiền 230.000.000đ ghi cùng vào trang giấy vay tiền ngày 04/12/2010, số tiền bà X trả 100.000.000đ bà có ghi mực màu đỏ không ghi ngày trả chỉ ghi năm 2014 vào góc trái của giấy vay tiền nên nguyên đơn xác định số tiền vợ chồng bị đơn còn nợ lại theo giấy vay tiền ngày 29/01/2014 là 130.000.000đ.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy giấy vay tiền ngày 29/01/2014 do bị đơn viết vay của nguyên đơn số tiền 230.000.000đ là khoản tiền vay bị đơn vay của nguyên đơn. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị đơn không có mặt để chứng minh việc bị đơn viết giấy vay số tiền 230.000.000đ là do nguyên đơn ép viết, việc bị đơn khai rằng vào ngày 29/01/2014 có vay của nguyên đơn 140.000.000đ, đã trả 100.000.000đ còn nợ lại 40.000.000đ đó chỉ là ý kiến của bị đơn nại ra để nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Nguyên đơn cho rằng bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 230.000.000đ và đã trả được 100.000.000đ còn lại 130.000.000đ chưa trả cho nguyên đơn, bị đơn không thanh toán khoản nợ này cho nguyên đơn là đã vi phạm thời hạn thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 1 Điều 290 Bộ luật dân sự 2005. Do vậy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị M, cần buộc bị đơn vợ chồng bà Khuất Thị X, ông Nguyễn Bá T trả cho nguyên đơn bà Bùi Thị M số tiền nợ là 130.000.000 đồng.

Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35 và các Điều 146, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 290, 471, 474 Bộ luật dân sự 2005, Điều 357, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị M. Buộc bị đơn vợ chồng bà Khuất Thị X, ông Nguyễn Bá T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Bùi Thị M số tiền 130.000.000 đồng *(Một trăm ba mươi triệu đồng).*

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc bị đơn vợ chồng bà Khuất Thị X, ông Nguyễn Bá T phải chịu 6.500.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Bùi Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Bùi Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.750.000 đồng theo biên lai thu số AA/2015/0003521 ngày 28/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương.

Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án (hoặc niêm yết) để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký Võ Thị Minh Nhựt)

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương;
- UBND xã Lạc Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS huyện Đơn Dương;
- THA dân sự huyện Đơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Minh Nhựt